TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 8 – 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hồng.

2. Ông Hoàng Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị N**, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ B, ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hoàng N1**, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Hoàng N1 đăng ký kết hôn vào ngày 15-6-2021 tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình chung sống, vợ chồng có với nhau một con chung tên Nguyễn Ngọc Tuệ N2, sinh ngày 24-9-2021. Sau khi kết hôn, chị N và anh N1 sống chung với cha mẹ chồng tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Do trong cuộc sống chung có nhiều mâu thuẫn, từ sau khi sinh con thì vợ chồng không còn thương yêu nhau, anh N1 đã dùng vũ lực, đe dọa chị nhiều lần. Mặc dù gia đình đã can ngăn nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn còn tiếp

diễn. Đến ngày 06-5-2024, chị N đã thuê xe đi về nhà cha mẹ ruột để sinh sống cho đến nay.

Theo đơn khởi kiện ngày 20-5-2024, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N1;

- Về con chung: Yêu cầu giao cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N2, sinh ngày 24-9-2021 cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng N1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Nguyên đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Hoàng N1:

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18-6-2024, anh Nguyễn Hoàng N1 không đồng ý ly hôn, yêu cầu hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trường hợp không hàn gắn được mà buộc phải ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N2, sinh ngày 24-9-2021 cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị N cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn đang cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; yêu cầu giải quyết vấn đề con chung; về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng sau khi ly hôn, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, chị Lê Thị N và anh Nguyễn Hoàng N1 đã tự nguyện kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, chị N cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vả. Mặc dù chưa có bản án, quyết định cho ly hôn nhưng trên thực tế thì vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2024, không còn tình nghĩa vợ chồng, thuộc một trong các trường hợp cho thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nay một bên khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử giải quyết cho

vợ chồng được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Hoàng N1 có 01 con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N2, sinh ngày 24-9-2021, đang sống chung với anh Nguyễn Hoàng N1. Quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh N1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho vợ hoặc chồng trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Trong vụ án này, vì mâu thuẫn vợ chồng nên chị N đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, để lại cháu N2 cho anh N1 nuôi dưỡng. Hiện tại, cháu N2 đã quen với điều kiện, môi trường sống và đang được anh N1 nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo trong điều kiện tốt nhất; nếu giao cháu N2 cho chị N nuôi dưỡng vào thời điểm này sẽ gây sự xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N2 cho anh N1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Án lệ số 54/2022/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07-9-2022 và được công bố theo Quyết định số 323/QĐ-CA ngày 14-10-2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Chị Lê Thị N không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ, chồng khi ly hôn: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Án lệ số 54/2022/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07-9-2022; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Hoàng N1 được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Tuệ N2, sinh ngày 24-9-2021 cho anh Nguyễn Hoàng N1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lê Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005228 ngày 20-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- UBND xã L, thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thanh Lâm